

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/2/2024.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HOÁ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Khánh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Đức Tuế;

2. Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐH, tỉnh Thái nguyên tham gia phiên tòa: Ông Đinh Khánh Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX - HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị Th, sinh năm:1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm ThX, xã TĐ, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở hiện nay: Đội 1 TL, xã HK, huyện TK, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ma Văn B, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Xóm ThX, xã TĐ, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và B bản lấy lời khai và tại phiên tòa chị Chu Thị Th trình bày như sau:

Chị và anh Ma Văn B có tìm hiểu nhau một thời gian, được hai bên gia đình đồng ý và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 25/11/2010. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống tại nhà anh B

tại xóm ThX, xã TĐ, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên khoảng 02 năm. Mâu thuẫn giữa anh chị bắt đầu xảy ra từ năm 2011. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh B có uống rượu về nhà to tiếng chửi mắng và đánh chị. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vẫn xảy ra. Đến năm 2013, chị và các con chuyển về nhà bố mẹ chị tại xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương sinh sống, anh B đi lại thăm con hàng tháng có cấp dưỡng khoảng 2.000.000 đồng. Đến năm 2023, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến chị và anh B sống ly thân. Nay chị xác định không còn quan tâm đến anh B nữa, chị cương quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Th xác định, chị và anh B có 02 con chung là Ma Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 23/01/2012 và Ma Văn Quân, sinh ngày 13/02/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nhi và chị yêu cầu anh B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quân cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nhi. Tại phiên tòa chị Th có ý kiến trong trường hợp anh B cương quyết xin được nuôi cả 02 con chị đồng ý và chị tự nguyện cấp dưỡng 1.500.000/01 con/01 tháng.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Th xác định, chị và anh B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết tại bản tự khai và B bản lý lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Ma Văn B trình bày:

Anh và chị Th được tự nguyện tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị đăng ký kết hôn ngày 25/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại nhà anh tại xóm ThX, xã TĐ, huyện ĐH được khoảng 02 năm, sau đó anh chị chuyển về sống tại gia đình chị Th tại xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương để mẹ chị Th tiện giúp đỡ anh chị trong việc chăm sóc các con còn nhỏ. Trong quá trình chung sống anh, chị cũng có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, đến tháng 5 năm 2023 mâu thuẫn có trầm trọng hơn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống từ những việc nhỏ trong gia đình, chị Th và gia đình muốn hai vợ chồng anh chị mua đất làm nhà gần gia đình chị Th để sinh sống nhưng anh không đồng ý, anh mong muốn chị Th và các con cùng anh về nhà anh tại xã TĐ, huyện ĐH sinh sống dẫn đến anh, chị thường xuyên cãi cọ nhau. Chị Th tự ý làm đơn xin ly hôn, anh xác định mâu thuẫn chưa trầm trọng, anh mong chị Th suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là Ma Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 23/01/2012 và Ma Văn Quân, sinh ngày 13/02/2017. Chị Th cương quyết xin ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000 đồng /01 cháu/01 tháng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Anh B xác định, anh và chị Th không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị Th và anh B không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án. Anh B không đồng ý ly hôn, chị Th cương quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000 đồng /01 cháu /01 tháng cho đến khi các con trưởng thành. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Trước khi nghị án, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Chu Thị Th, cho chị Chu Thị Th được ly hôn anh Ma Văn B; Giao cả 02 cháu Ma Thị Tuyết Nhi và Ma Văn Quân, cho chị Chu Thị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Buộc anh Ma văn B phải có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung với mức 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự túc được.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Th và anh B không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo đối với bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến đại diện Viện kiểm sát, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, vì vậy thuộc thẩm quyền giải

quyết của Toà án nhân dân huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp lấy lời khai của đương sự nên việc xét xử có sự tham gia của Kiểm sát viên theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét về quan hệ hôn nhân và về yêu cầu xin ly hôn của chị Th thấy rằng:

Chị Chu Thị Th và anh Ma Văn B quen biết và có thời gian tự nguyện tìm hiểu nhau, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, giữa chị Th và anh B nảy sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2023 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh B không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn giữa anh chị; Tòa án đã hòa giải để anh chị về đoàn tụ nhưng không thành. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh B là có căn cứ.

Về con chung: Chị Th và anh B có 02 con chung là Ma Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 23/01/2012 và Ma Văn Quân, sinh ngày 13/02/2017. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị Th trình bày yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nhi và chị yêu cầu anh B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Quân cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Nhi. Vì chị có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định. Chị đi làm gần nhà có thời gian đưa đón và chăm sóc các con. Ngoài ra, chị đang ở cùng bố mẹ đẻ, có thể hỗ trợ chị về việc chăm sóc các cháu. Tại phiên tòa chị Th có ý kiến trong trường hợp anh B cương quyết xin nuôi con chị đồng ý và chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000/01 con/01 tháng.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh B yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000 đồng /01 cháu/01 tháng cho đến khi các cháu đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc nuôi con cần phải được xem xét đến điều kiện của cả bố và mẹ về việc làm, thu nhập, nơi ở và điều kiện chăm sóc con. Ngoài ra, còn xem xét đến nguyện vọng của con chung mong muốn ở với bố hay mẹ. Chị Th và anh B đều có công việc và nơi ở ổn định. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã lấy lời khai của các cháu, nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với mẹ, cháu còn nhỏ cần chăm sóc tử mỉ của người phụ nữ, đặc biệt là của người mẹ sẽ thuận lợi hơn. Do vậy, cần giao cả 02 con chung là cháu Nhi và cháu Quân cho chị Chu Thị Th trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật và nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Chị Th và anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Ma Văn B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; các Điều: 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Chu Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Chu Thị Th được ly hôn anh Ma Văn B.

2. Về con chung: Giao các cháu Ma Thị Tuyết Nhi, sinh ngày 23/01/2012 và Ma Văn Quân, sinh ngày 13/02/2017 cho chị Chu Thị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh Ma Văn B có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hàng tháng anh Ma Văn B có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nhi và cháu Quân với mức 1.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi các cháu trưởng thành, lao động tự túc được

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và các khoản cho vay, khoản nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết;

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Chu Thị Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH theo B lai

thu số 0006144, ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. Anh Ma Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND huyện Định Hoá;
- Chi cục THADS huyện ĐH;
- UBND xã Hà Kỳ, huyện Từ Kỳ, tỉnh Hải Dương;
- (ĐKKH số 75 ngày 25/11/2010)
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lê Hồng Khánh